

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/DS-ST

Ngày 26-02-2026

Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa.

2. Ông Phan Thanh Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2026/TB-TA ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Anh T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1973 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973 (vắng mặt); Địa chỉ: B N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Anh T trình bày:

Ông T có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H. Ông N, bà H có hỏi mượn ông T tiền để nuôi tôm ở bè L và sửa nhà đang ở tại địa chỉ B N, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể như sau:

Ngày 07/9/2020, ông T cho ông N, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn trả là ngày 07/12/2020. Ông T đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông N, bà H, chữ viết “*đã nhận đủ tiền mặt một trăm triệu*” là chữ của ông N viết. Ông N, bà H đã thanh toán được 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán. Ngày 19/10/2020, ông T tiếp tục cho ông N, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn trả là ngày 19/11/2020. Ông T đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông N, bà H, chữ viết “*đã nhận đủ tiền mặt*” là chữ của ông N viết. Ông N, bà H chưa thanh toán được tiền lãi, tiền gốc. Ngày 20/3/2023, ông T tiếp tục cho ông N, bà H vay số tiền 265.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 20/3/2023. Ông T đã giao số tiền 265.000.000 đồng cho ông N, bà H. Ông N, bà H ký và viết tên bên người vay. Ông N, bà H chưa thanh toán được tiền lãi, tiền gốc. Tất cả các lần vay trên ông T đều giao tiền mặt cho ông N, bà H ở nhà ông N, bà H tại địa chỉ B N, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Trần Anh T yêu cầu ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền vay là 525.450.000 (năm trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 25/9/2025 là 60.450.000 đồng (sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) với lãi suất 6.5%/ năm và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến ngày thanh toán hết nợ với lãi suất 6.5%/năm.

Ngày 19/01/2026, ông T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu ông N, bà H trả tiền lãi.

- *Về ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H:* Trong quá trình tố tụng ông N và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường B, thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H không còn cư trú tại địa chỉ: B N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (cũ là 25 N, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Ngôi nhà tại địa chỉ B N, phường B, thành phố H được bán cho chủ khác, trong nhà hiện tại không có ai sinh sống. Ông N và bà H chuyển đi đâu không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Trần Anh T số tiền vay là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn ông T khởi kiện và cung cấp địa chỉ của ông N và bà H theo các hợp đồng vay đã ký kết với ông Trần Anh T, việc bị đơn đang có nghĩa vụ đối với nguyên đơn nhưng thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông T biết về nơi cư trú mới của mình theo quy định được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn đăng ký hộ khẩu tại phường B, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông N, bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, thể hiện:

- Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 07/9/2020, thể hiện ông N, bà H có vay của ông Trần Anh T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 07/12/2020. Tại mục người mượn tiền có chữ ký và viết của ông N, bà H. Ông T đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông N, bà H, có chữ và ông N ghi trên Giấy mượn tiền “đã nhận đủ tiền mặt một trăm triệu”. Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 07/9/2020 không thể hiện lãi suất, theo lời khai của ông T lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/

tháng. Ông N, bà H chỉ mới thanh toán được 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền gốc chưa thanh toán.

- Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 19/10/2020, thể hiện ông N, bà H có vay của ông Trần Anh T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 19/11/2020. Tại mục người mượn tiền có chữ ký và viết của ông N, bà H. Ông T đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông N, bà H và ông N ghi trên Giấy mượn tiền “*đã nhận đủ tiền mặt*”. Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 19/10/2020 không thể hiện lãi suất, theo lời khai của ông T lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/ tháng, khoản vay này ông N, bà H chưa thanh toán được tiền gốc và lãi cho ông T.

- Theo “Giấy nhận nợ” ngày 20/3/2023, thể hiện ông N, bà H vay số tiền 265.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2%/ tháng. Tại mục người vay tiền có chữ ký và viết của ông N, bà H. Ông T đã giao số tiền 265.000.000 đồng cho ông N, bà H, khoản vay này ông N, bà H chưa thanh toán được tiền gốc và lãi cho ông T.

Như vậy có căn cứ xác định ông N và bà H có vay tiền của ông T số tiền nêu trên là có thật, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên đã phát sinh. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

[2.1] Xét các giấy mượn tiền và giấy nhận nợ, bị đơn ông N, bà H ký xác nhận đã đảm bảo các điều kiện về hình thức của hợp đồng vay tài sản, mục đích và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng vay không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 12 đã nhiều lần triệu tập họp lệ; **Căn cứ theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể** đăng thông báo trên B và phát sóng trên Đài phát thanh V trong ba số liên tiếp, để bị đơn đến làm việc và tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Việc bị đơn không tham gia tố tụng được xem là từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ xem xét trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Xét, ông N, bà H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Do đó, yêu cầu của nguyên

đơn buộc các bị đơn thanh toán nợ gốc là có cơ sở, cần buộc ông N, bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là **là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng** theo Giấy mượn tiền đề ngày 07/9/2020; Giấy mượn tiền đề ngày 19/10/2020 và Giấy nhận nợ ngày 20/3/2023.

[2.4] Về lãi suất: **Ngày 19/01/2026, ông T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà H thanh toán số tiền nợ gốc, không yêu cầu ông N, bà H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.**

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. H1 lại cho nguyên đơn ông Trần Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 463; 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Anh T, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho ông Trần Anh T số tiền vay là **465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng**.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị H phải nộp 22.600.000 (hai mươi hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông Trần Anh T số tiền 12.509.000 (mười hai triệu, năm trăm lẻ chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025229 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

4. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 – Tp HCM;
- Phòng THA DS khu vực 12 – Tp HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai